

Bản Tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 16 NĂM 2019

KỶ 02 THÁNG 08 NĂM 2019

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 47/GP-XBBT
cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 14/8/2019 đến 28/8/2019
- 5 Hàng nông sản xuất xứ từ Mỹ đang tạo sức ép lớn tại thị trường trong nước
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT - NHẬP KHẨU
- 7 Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp giảm trong 8 tháng đầu năm 2019
- 10 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Đài Loan đạt kết quả khả quan
- 13 Cao su của Việt Nam đang mở rộng thị phần tại thị trường Ấn Độ
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
- 16 Kiên Giang xây dựng thương hiệu nông sản xuất khẩu
- 19 Lâm Đồng xây dựng thương hiệu sầu riêng để xuất khẩu
- 19 Xúc tiến, quảng bá na Chi Lăng tại thị trường Hà Nội
- 20 Doanh nghiệp Hàn Quốc cần tìm nhà cung cấp hoa tươi cắt cành
- 20 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 21 31 doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu tôm sang Mỹ hưởng mức thuế 0%
- 21 Thêm 42 doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định 107
- 22 Australia công bố điều kiện nhập khẩu quả nhãn tươi từ Việt Nam
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI
- 24 Giá hàng hóa thế giới tiếp tục chịu tác động tiêu cực do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc
- 25 Nhu cầu nhập khẩu thực phẩm của Ấn Độ dự kiến tăng mạnh trong thời gian tới
- 27 Trung Quốc sửa đổi quy định về quản lý việc ghi nhãn bao bì thực phẩm đóng gói sẵn xuất nhập khẩu
- 28 **TIN VĂN**

Tại thị trường trong nước, sản xuất nông nghiệp trong tháng 8/2019 tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa mùa và thu hoạch lúa, hoa màu vụ hè thu. Tính đến ngày 15/8/2019, cả nước gieo cấy được 1.473,9 nghìn ha lúa mùa, bằng 95,6% cùng kỳ năm trước; thu hoạch được 1.036,4 nghìn ha lúa hè thu, bằng 104,7% cùng kỳ năm trước. Dịch tả lợn châu Phi đang dần được kiểm soát, giá thịt lợn hơi tăng dần và số lượng lợn tiêu hủy trong tháng giảm so với tháng trước. Sản xuất thủy sản giữ được đà tăng trưởng trong cả nuôi trồng và khai thác. Tính chung 8 tháng năm 2019, sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.228,6 nghìn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.727,5 nghìn tấn, tăng 6%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.501,1 nghìn tấn, tăng 4,8%. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp đang gặp khó khăn khi giá bán của hầu hết các sản phẩm nông nghiệp vẫn đang ở mức thấp so với cùng kỳ năm trước và nắng nóng gây cháy rừng khiến cho diện tích rừng bị thiệt hại tăng cao ở khu vực Duyên hải miền Trung.

Trong khi đó, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản tiếp tục gặp khó khăn với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8/2019 ước đạt 2,98 tỷ USD, giảm 3,6% so với tháng trước, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong 8 tháng đầu năm 2019 đạt 23,19 tỷ USD, giảm 1,6% so

với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 13,6% trên tổng kim ngạch xuất khẩu. Nguyên nhân chính do xuất khẩu sang Trung Quốc giảm do chịu tác động bởi các quy định mới của chính quyền Trung Quốc trong việc quản lý nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; quy cách, nội dung thông tin sản phẩm trên tem nhãn; quy cách đóng gói hàng hóa, kiểm dịch; kiểm định chất lượng sản phẩm đối với nhiều mặt hàng nông sản nhập khẩu. Trong những tháng cuối năm 2019, xuất khẩu hàng nông sản tiếp tục chịu sức ép trong bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm và các rào cản thương mại gia tăng, nhất là từ thị trường Trung Quốc.

Diễn biến kém khả quan trong xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp góp phần khiến nhập khẩu nhóm hàng này trong 8 tháng qua sụt giảm cho dù các FTA có hiệu lực cộng với căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt đã kéo theo xu hướng một số mặt hàng nông sản "tràn" vào thị trường Việt Nam, cạnh tranh trực tiếp với nông sản nội địa. Trong tháng 8/2019, kim ngạch nhập khẩu vật tư nông nghiệp và nông, lâm, thủy sản ước đạt 1,59 tỷ USD, giảm 6,8% so với tháng trước và giảm 11,1% so với tháng 8/2018, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 của nhóm hàng này đạt 13,09 tỷ USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Một số thông tin đáng chú ý:

- Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ban hành kết luận cuối cùng đợt rà soát hành chính; thuế chống bán phá giá lần thứ 13 (POR13) cho giai đoạn rà soát từ 01/02/2017 – 31/01/2018 đối với tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam. Theo đó, DOC đưa ra kết luận, 31 công ty xuất khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam vào Mỹ sẽ được hưởng mức thuế chống bán phá giá là 0%.
- Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Australia đã chính thức công bố các điều kiện nhập khẩu quả nhãn tươi từ Việt Nam.
- Từ ngày 01/10/2019, Hàn Quốc bắt đầu xử phạt đối với giao dịch thương mại gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG KỲ TỪ NGÀY 14/8/2019 ĐẾN 28/8/2019

Giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 14/8 đến 28/8/2019 biến động trái chiều so với kỳ trước. Một số mặt hàng như: Nhân điều, thủy sản, cà phê tăng do càng về cuối năm nhu cầu thị trường tăng lên, tuy nhiên, giá gạo, cao su giảm nhẹ do nhu cầu vẫn yếu.



+ Trong nửa cuối tháng 8/2019, giá cá tra nguyên liệu (phục vụ chế biến xuất khẩu) tại thị trường các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã tăng trở lại. Theo đó, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp đã tăng 500 đ/kg so với đầu tháng 8/2019, đạt 21.500 đ/kg.

Giá cá tra nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu tại thị trường ĐBSCL tăng trở lại do sản lượng cá trong dân và doanh nghiệp giảm, đồng thời thị trường xuất khẩu bắt đầu khởi sắc. Theo thông lệ hàng năm, đây là thời điểm các nhà nhập khẩu tiến hành xác nhận đơn hàng cho thời điểm cuối năm, vì vậy thị trường bắt đầu sôi động trở lại. Năm nay, ngoài những thị trường mang tính truyền thống như: Mỹ, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu (EU), thì các thị trường Châu Á, Mexico... đang trở thành thị trường tiêu thụ mạnh cá tra của các doanh nghiệp Việt Nam.

+ Tại khu vực ĐBSCL, giá lúa tươi IR 504, gạo nguyên liệu IR 504 và gạo thành phẩm IR 504 giảm 100 – 200 đ/kg so với nửa đầu tháng 8/2019,

đạt lần lượt là 4.150 đ/kg, 6.100 đ/kg và 7.050 đ/kg. Trong khi đó, giá tấm gạo IR 504 và cám lại tăng 100 – 150 đ/kg.

Trên thị trường xuất khẩu, giá gạo 5% tấm đã giảm 10 USD/tấn trong kỳ từ ngày 14/8 đến 28/8/2019, xuống còn 335 – 340 USD/tấn. Giá gạo giảm do Philippin – thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam giảm lượng mua vào trong khi chờ đợi lệnh hạn chế nhập khẩu gạo từ Chính phủ để hỗ trợ người trồng lúa địa phương.

+ Trong kỳ từ ngày 14/8 đến 28/8/2019, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên đã tăng 800 đ/kg so với nửa đầu tháng 8/2019, đạt 33.200 đ/kg. Giá cà phê tăng do lo ngại mưa lớn tại một số khu vực của Tây Nguyên kéo dài có thể ảnh hưởng tới mùa vụ cà phê tới. Hiện nay, hoạt động bán ra không nhiều do nguồn cung thấp trong cuối niên vụ 2018/19. Nhiều khả năng giao dịch vẫn trầm lắng cho tới khi vụ thu hoạch mới bắt đầu trong tháng 10/2019.

+ Giá nhân điều thu mua tại Bình Phước đã tăng 200 đ/kg so với kỳ trước lên 32.000 đ/kg. Theo Hiệp hội Điều Việt Nam, nhân hạt điều hiện nay của các nhà máy sản xuất chỉ đáp ứng cho những hợp đồng đã ký trước, trong khi có nhiều đơn hàng cần giao ngay nên lượng nhân hạt điều không đáp ứng đủ nhu cầu.

Nguồn cung hạt điều trên toàn cầu ở mức thấp, trong khi nhu cầu nguyên liệu cho ngành chế biến tăng. Hiện hầu hết các nước sản xuất hạt điều lớn trên

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

thế giới như Việt Nam, Ấn Độ, Bồ Đào Nha... đều đã thu hoạch xong vụ mùa 2018/2019, trong khi đó hai nước Cộng hòa Guiné-Bissau và Senegal cũng bước vào thời kỳ cuối vụ thu hoạch chính, còn Indonesia bắt đầu bước vào vụ thu hoạch. Bên cạnh đó, giá hạt điều vẫn ở mức thấp cũng hấp dẫn người tiêu dùng. Những thông tin trên đã tác động tích cực lên thị trường hạt điều toàn cầu.

+ Giá mủ cao su tại thị trường trong nước tiếp tục giảm 1% – 2% trong kỳ từ ngày 14/8 đến 28/8/2019 do lo ngại căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc gia

tăng sẽ làm suy yếu kinh tế toàn cầu. Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố mức thuế bổ sung đối với khoảng 550 tỉ USD hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc ngay sau khi Trung Quốc công bố mức thuế trả đũa đối với 75 tỉ USD hàng hóa của Mỹ.



Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 28/8/2019

Tên hàng	Ngày 28/8/2019 (đ/kg)	So với ngày 13/8/2019 (%)	So với ngày 29/7/2019 (%)	So cuối năm 2018 (%)
Lúa tươi IR 504	4.150	-3,5	-1,2	-18,6
Gạo NL IR 504	6.100	-3,2	-3,9	-15,9
Gạo thành phẩm IR 504	7.050	-1,4	-2,1	-13,5
Tấm gạo IR 504	6.100	1,7	1,7	-22,8
Cám vàng	5.800	2,7	1,8	5,5
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.200	2,5	0,3	-0,6
Chè xanh Thái Nguyên búp khô	105.000	0,0	0,0	0,0
Chè cảnh Thái Nguyên chất lượng cao	200.000	0,0	0,0	0,0
Chè xanh nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	9.000	0,0	0,0	0,0
Chè đen nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	6.000	0,0	0,0	0,0
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	32.000	6,7	0,0	-11,1
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	45.000	0,0	-1,1	-15,1
Ngô hạt khô miền trung Tây Nguyên	5.650	0,0	0,0	16,5
Ngô hạt khô miền Bắc	5.600	0,0	0,0	17,9
Sắn lát khô Quy Nhơn	5.400	0,0	0,0	-7,7
Mủ chén, dây khô	10.200	-1,0	-11,3	18,6
Mủ chén ướt	7.100	0,0	-11,3	18,3
Mủ đông khô	9.200	-1,1	-11,5	17,9
Mủ đông ướt	7.500	0,0	-10,7	19,0
Mủ cao su nước tại vườn	24.700	-0,4	-10,2	5,1
Mủ cao su nước tại nhà máy	25.200	-0,4	-10,0	5,0
SVR CV	40.268	-1,7	-9,6	11,6
SVR 10	29.224	-1,9	-9,7	3,1
SVR 20	29.112	-1,9	-9,8	3,1
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.500	2,4	2,4	-32,8
Tôm càng xanh (15 - 20 con/kg) Đồng Tháp	250.000	0,0	0,0	-3,8

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

HÀNG NÔNG SẢN XUẤT XỨ TỪ MỸ ĐANG TẠO SỨC ÉP LỚN TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Trong thời gian qua, nhiều mặt hàng nông, thủy sản xuất xứ từ Mỹ liên tục "tràn" vào thị trường Việt Nam với giá giảm mạnh so với thời điểm trước đó. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 7 tháng đầu năm 2019, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Mỹ đạt 8,2 tỷ USD, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu một số sản phẩm trong ngành nông nghiệp tăng mạnh trên 60% như rau quả hay thủy sản. Diễn biến này đang tạo ra thách thức đối với thị trường trong nước và sức ép cạnh tranh không nhỏ cho nông sản Việt Nam.

Nguyên nhân chính khiến hàng nông sản Mỹ tăng nhập khẩu vào Việt Nam và liên tục giảm giá là do tác động bởi xu hướng leo thang của căng thẳng thương mại giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới là Mỹ và Trung Quốc. Ngành nông nghiệp Mỹ trong những năm qua xuất khẩu nhiều sang Trung Quốc. Tuy nhiên, các biện pháp trả đũa thuế quan giữa hai nước đã gây thiệt hại cho ngành nông nghiệp Mỹ. Xung đột thương mại khiến kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông nghiệp Mỹ sang Trung Quốc giảm mạnh, bao gồm trái cây, thịt,

ngũ cốc và thủy hải sản, các mặt hàng này buộc phải đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác, bao gồm Việt Nam.

Đậu tương hiện là loại nông sản xuất khẩu lớn nhất của Mỹ, trong đó phần lớn được xuất khẩu sang Trung Quốc trước cuộc chiến thương mại. Theo số liệu của chính phủ Mỹ, trong nửa đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đậu tương của Mỹ sang Trung Quốc ở mức thấp nhất kể từ năm 2002. Xuất khẩu thịt lợn của Mỹ cũng xuống mức thấp nhất 9 năm. Ngoài ra, xuất khẩu các loại trái cây chủ lực của Mỹ như cam, quả óc chó, nho, táo, cherry ... cũng sụt giảm mạnh. Trong đó, cherry - anh đào là một trong những mặt hàng chịu tổn thất đầu tiên khi chính quyền Trung Quốc đưa ra các biện pháp trả đũa thuế quan đối với hàng nhập khẩu từ Mỹ. Theo số liệu của chính quyền địa phương, bang Washington - nơi cung cấp sản lượng cherry lớn nhất nước Mỹ - đã sụt giảm một nửa số lượng xuất khẩu sang Trung Quốc.

Tính đến cuối tháng 8/2019, giá tôm hùm, cua huỳnh đế, thịt, đậu tương, nho, việt quất, cherry... của Mỹ về Việt Nam đã giảm 15 - 50% so với cuối năm 2018, thậm chí một số mặt hàng thịt bò, thịt lợn, thịt gà... xuất xứ từ Mỹ cũng được

bán với giá rẻ hơn từ 10 - 15% so với hàng Việt Nam. Đáng chú ý, giá cherry Mỹ tại một số cửa hàng trái cây hiện chỉ bằng gần một nửa so với cùng thời điểm năm trước. Nếu như các năm trước cherry Mỹ về Việt Nam có giá 400.000 - 600.000 đồng/kg thì nay được các cửa hàng nhập khẩu bán với giá 230.000 - 350.000

đồng/kg. Tôm hùm Alaska cũng ghi nhận mức giá rẻ nhất từ đầu năm 2019, dao động khoảng 550.000 đồng/kg đối với tôm 1-2 kg và từ 800.000 đến 1.000.000 đồng/kg đối với loại 2-5 kg. Cùng với tôm hùm Alaska, cua hoàng đế Alaska cũng giảm giá xuống chỉ còn 650.000 đồng/kg với lượng nhập khẩu tăng đáng kể.

Tham khảo một số chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường Mỹ vào Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2019 (ĐVT: nghìn USD)

Chủng loại	Tháng 7/2019	So sánh tháng 7/2018 (%)	7 tháng/2019	So sánh 7 tháng/2018 (%)
Hạnh nhân	4.914	54,78	48.329	127,39
Táo	2.153	291,15	26.008	17,26
Anh đào	14.513	110,26	21.204	78,31
Khoai tây	1.665	-30,74	14.550	70,72
Hạt dẻ cười	1.901	-24,75	11.955	3,65
Nho	3.609	-34,80	8.939	6,96
Óc chó	1	-96,95	4.196	71,30
Việt quất	974		1.018	8.209

Nguồn: Số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Với diễn biến này, cùng với lo ngại hàng hóa Trung Quốc tràn sang Việt Nam do chịu tác động bởi căng thẳng thương mại, thì doanh nghiệp Việt Nam hiện phải tiếp tục đối mặt với nguy cơ mới, đó là cạnh tranh với hàng hóa giá rẻ của Mỹ tại thị trường nội địa. Không chỉ cạnh tranh ở phân khúc cao cấp, một số mặt hàng là chủ lực tiêu thụ trong nước cũng đang bị "đe dọa" về thị phần như các mặt hàng trong lĩnh vực chăn nuôi, nhất là trong bối cảnh từ trước tới nay, chất lượng các sản phẩm nông sản nhập khẩu từ các nước phát triển luôn được đánh giá cao bởi sự đảm bảo nghiêm ngặt trong quy trình sản xuất, kiểm soát chặt chẽ lượng tồn dư các chất độc hại trong sản phẩm, đảm bảo sản phẩm an toàn đến tay người tiêu dùng. Do vậy, việc giảm giá của hàng nông sản Mỹ đang đặt ra thách thức lớn đối với sản xuất nông sản trong nước.

Xu hướng tăng mạnh nhập khẩu nông sản từ Mỹ với giá giảm so với trước đây được đánh giá vừa là thách thức vừa là cơ hội để nông nghiệp Việt Nam cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, khẳng định

thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường. Vừa qua, Bộ Thương mại Trung Quốc thông báo ngừng mua nông sản Mỹ nhằm đáp trả việc Mỹ áp thuế 10% với 300 tỷ USD hàng hóa. Động thái này sẽ khiến cho xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Mỹ tiếp tục đi xuống trong thời gian tới và trong những tháng cuối năm 2019, nhiều khả năng nông sản của nước này sẽ tiếp tục đổ về Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, hàng thủy sản và nông sản Việt Nam cần phải nâng cao chất lượng, sản xuất đúng tiêu chuẩn, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm gia tăng thị phần tại thị trường nội địa. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ mặt hàng nông sản Việt Nam dễ dàng vào siêu thị và chuỗi cửa hàng bán lẻ. Ngoài ra, để bảo vệ hàng hóa trong nước, công cụ cần thiết và hiệu quả chính là áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (biện pháp chống bán phá giá, biện pháp trợ cấp, biện pháp tự vệ). Việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại làm giảm áp lực hàng ngoại nhập nhưng cũng sẽ không làm mất cơ hội của người tiêu dùng được tiếp cận với hàng giá rẻ nhập khẩu.

NHẬP KHẨU SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP GIẢM TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Theo số liệu ước tính, kim ngạch nhập khẩu vật tư nông nghiệp và nông, lâm, thủy sản tháng 8/2019 đạt 1,59 tỷ USD, giảm 6,8% so với tháng trước và giảm 11,1% so với tháng 8/2018, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 của nhóm hàng này lên 13,09 tỷ USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó, thức ăn gia súc và nguyên liệu tiếp tục là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất trong số các sản phẩm nông nghiệp. Trong 8 tháng qua, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 2,54 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước cho dù chịu tác động bởi dịch tả lợn châu Phi xuất hiện từ tháng 2/2019. Tính đến cuối tháng 8/2019, dịch bệnh này đã lan ra 62/63 tỉnh, thành với 4,4 triệu con lợn bị tiêu hủy. Các thị trường chính cung cấp thức ăn gia súc và nguyên liệu cho Việt Nam trong 8 tháng qua vẫn là Argentina, Mỹ, Brazil và Trung Quốc... Nguyên nhân chính khiến nhập khẩu mặt hàng này về Việt Nam vẫn trong xu hướng tăng cho dù ngành chăn nuôi trong nước đang gặp nhiều khó khăn là do giá thức ăn chăn nuôi (đậu tương và lúa mì giảm trước tác động bởi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang và hiện ở mức cạnh tranh hơn nhiều so với giá nguyên liệu trong nước.



Gỗ và sản phẩm gỗ đứng thứ hai trong danh sách các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019. Tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 8 tháng qua đạt 1,68 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2018. Tính riêng trong tháng 8/2019, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 225 triệu USD, tăng 0,7% so với tháng trước. Nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng khá trong thời gian qua nhằm phục vụ các đơn hàng xuất khẩu. Mặc dù hoạt động kinh tế, thương mại toàn cầu suy yếu, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang, nhưng gỗ và sản phẩm gỗ vẫn là một trong 5 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam với mức tăng trưởng 16,7% trong 8 tháng đầu năm 2019. Trong thời gian tới, với việc tận dụng tốt ưu đãi và các lộ trình giảm thuế trong các FTA đã được ký kết và có hiệu lực cộng với nguồn vốn FDI đầu tư vào ngành gỗ có xu hướng tăng, dự báo xuất, nhập khẩu mặt hàng này sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, hoạt động nhập khẩu gỗ nguyên liệu phục vụ sản xuất để xuất khẩu cần được kiểm soát, giám sát chặt chẽ nhằm tránh tình trạng gian lận xuất xứ và đảm bảo nguồn gỗ theo đúng yêu cầu từ Hiệp định VPA/FLEG.

Đối với mặt hàng hạt điều, tổng lượng điều nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,14 triệu tấn, trị giá 1,5 tỷ USD, tăng 29,5% về lượng nhưng giảm 16,4% về kim ngạch do giá nhập khẩu điều bình quân trong 8 tháng qua đã giảm trên 30% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ các thị trường như Bồ Đào Nha, Campuchia, Indonesia. Nhập khẩu điều nguyên liệu liên tục tăng trong thời gian qua trong bối cảnh diện tích trồng điều và sản lượng thu hoạch trong nước ngày càng giảm do giá hạt điều quá thấp, nông dân trồng điều không có lợi nhuận.

Đối với mặt hàng rau quả, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,27 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, so với mốc 2,52 tỷ USD ước tính xuất khẩu rau quả trong 8 tháng qua, ngành rau quả đang xuất siêu 1,25 tỷ USD. Trong 7 tháng đầu năm 2019, Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ, Australia... là 4 thị trường cung cấp rau quả lớn nhất cho thị trường Việt Nam. Trong đó, nhập khẩu từ Thái Lan đạt 421 triệu USD, tăng 2%, Trung Quốc 272 triệu USD, tăng 36,8%, nhập khẩu từ Mỹ 155,4 triệu USD, tăng 70,8%, Australia 65 triệu USD, tăng 16,5%....



Hiện trong số các chủng loại rau, củ, quả nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan về Việt Nam có nhiều chủng loại tương tự với sản phẩm trong nước và cạnh tranh trực tiếp với hàng nội địa. Trong đó, nhập khẩu từ Thái Lan chủ yếu là trái cây như xoài, chôm chôm, thanh long, mít, sầu giêng, nhãn. Từ Trung Quốc loại rau được nhập khẩu vào nhiều hơn như bắp cải, cà rốt, su hào, súp lơ, khoai tây; các loại trái cây đầu mùa là mận, táo, lê, dưa vàng, lựu, nho, quýt ...

Trong khi đó, nhập khẩu hai mặt hàng thuộc nhóm vật tư nông nghiệp trong 8 tháng đầu năm 2019 bao gồm phân bón và thuốc trừ sâu lần lượt giảm 9,2% và 1,2% so với cùng kỳ năm trước xuống 720 triệu USD và 596 triệu USD. Nguyên nhân chính khiến nhập khẩu nhóm hàng này giảm là do tình hình tiêu thụ các mặt hàng vật tư nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá các loại nông sản có xu hướng giảm, cùng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Ước tính nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp trong 8 tháng đầu năm 2019

(ĐVT: Lượng: Nghìn tấn; Kim ngạch: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Ước tháng 8/2019		Ước 8 tháng năm 2019		So sánh (%)					
					UT8/19 so với T7/19		UT8/19 so với T8/18		UT8/19 so với 8T/18	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch NK		22.800		166.579		-0,6		7,5		8,5
Tổng sản phẩm nông nghiệp		1.593		13.092		-6,8		-11,1		-2,6
Tỷ trọng		7,0		7,9						
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		330		2.545		2,1		12,1		1,7
Gỗ và sản phẩm		225		1.682		0,7		12,2		14,9
Hạt điều	210	224	1.148	1.505	-9,1	-12,3	40,3	-18,8	29,5	-16,4
Rau quả		135		1.276		-10,4		-36,5		11,6
Ngô	780	156	6.121	1.266	2,2	1,7	26,1	14,6	1,0	2,0
Thủy sản		135		1.187		-21,8		1,6		3,9
Cao su các loại	65	110	438	758	8,5	7,2	26,8	15,4	13,4	7,1
Phân bón	250	70	2.548	720	-17,3	-18,5	-16,9	-20,8	-8,7	-9,2
Sữa và sản phẩm từ sữa		90		697		4,2		1,2		4,1
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		70		596		2,6		8,7		-1,2
Lúa mì	100	27	1.569	437	-53,9	-54,1	-84,3	-81,9	-57,2	-50,0
Đậu tương	50	21	1.071	424	-27,5	-25,2	-59,9	-61,0	-6,0	-15,0

Nguồn: Số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê

Trong 7 tháng đầu năm 2019, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đạt 10,32 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu nhóm vật tư nông nghiệp đạt 1,18 tỷ USD, giảm

gần 6%. Trong đó, Argentina và Mỹ là hai thị trường nhập khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất với kim ngạch đạt 1,57 tỷ USD và 1,06 tỷ USD, chiếm gần 26% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này.

Tham khảo 20 thị trường nhập khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất trong 7 tháng đầu năm 2019

Thị trường nhập khẩu	Tháng 7/2019	So với tháng 7/2018	7 tháng/2019	So với 7 tháng/2018	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Tổng	1.554.825	-2,5	10.323.882	-0,8	100,0
Argentina	283.312	270,8	1.576.521	26,7	15,3
Mỹ	158.737	-0,5	1.061.705	1,7	10,3
Trung Quốc	140.028	8,3	821.490	23,4	8,0
Braxin	49.262	15,6	765.714	30,3	7,4
Thái Lan	50.023	-55,1	673.116	3,7	6,5
Campuchia	22.093	-12,0	408.956	10,2	4,0
Bờ Biển Ngà	100.937	-46,4	406.556	-11,5	3,9
Australia	27.403	-4,6	277.838	-3,1	2,7
Ấn Độ	34.075	-36,9	255.026	-33,7	2,5
New Zealand	41.561	33,2	250.111	-2,4	2,4
Hàn Quốc	33.755	19,8	237.802	8,0	2,3
Gana	53.826	-33,8	229.229	5,3	2,2
Canada	53.294	62,8	215.384	37,9	2,1
Nhật Bản	31.665	24,6	199.964	19,7	1,9
Indonesia	24.233	21,1	171.908	8,0	1,7
Đài Loan	31.546	22,9	169.872	-5,0	1,6
Nga	16.761	-68,4	133.230	-67,6	1,3
Na Uy	24.263	73,9	128.374	25,5	1,2
Nigeria	37.500	-30,7	120.287	-25,9	1,2
Malaysia	19.639	-11,3	113.981	-7,6	1,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ QUAN



Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong tháng 7/2019 đạt 35,29 triệu USD, giảm 0,5% so với tháng 6/2019, nhưng lại tăng mạnh 27,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính từ đầu năm 2019 đến hết tháng 7/2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Đài Loan đạt 209,5 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 7 tháng đầu năm 2019, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng rau quả là 3 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Đài Loan. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 69,78 triệu USD, tăng 16,3% và chiếm tỷ trọng 33,3% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan. Đứng thứ hai là mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ với kim ngạch đạt 47,56 triệu USD, tăng 27,9%. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Đài Loan tăng mạnh 44%, đạt 30,44 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản khác sang thị trường Đài Loan giảm như: Cao su giảm 16,9%, hạt điều giảm 13,8% dù lượng tăng 7,2%, sắn và sản phẩm sắn giảm 21,1%.

Để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho người dân bản địa và khách du lịch, mỗi năm Đài Loan phải nhập một lượng lớn nông sản, thực phẩm chế biến từ các nước. Những mặt hàng này lại là thế mạnh trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu và quảng bá sản phẩm tại thị trường Đài Loan, hàng năm, Đài Loan thường xuyên tổ chức các triển lãm quy mô lớn như Triển lãm Thực phẩm quốc tế Đài Bắc, Triển lãm quốc tế Thiết bị máy móc chế biến thực phẩm và dược phẩm Đài Bắc...

Ngoài ra, Đài Loan cũng đóng vai trò trung gian cho nhiều loại sản phẩm của Việt Nam sang các thị trường Âu, Mỹ và Đông Á. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng của cộng đồng người Việt Nam tại đây cũng sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại song phương cũng như tuyên truyền về thói quen tiêu dùng các mặt hàng của nước ta tại thị trường Đài Loan.

Tuy nhiên, khi giao thương với thị trường này, doanh nghiệp Việt Nam cần thẩm định kỹ đối tác, phải có các điều kiện giao dịch rõ ràng (nhất là trong đảm bảo thanh toán). Các quy định về kiểm định, kiểm dịch của Đài Loan rất chặt chẽ nên hàng hóa luôn phải đảm bảo chất lượng, đầy đủ các chứng từ, chứng chỉ liên quan như C/O, giấy chứng nhận kiểm dịch, xác

định dư lượng hóa chất trong sản phẩm liên quan đến nông nghiệp. Đồng thời, để thâm nhập thị trường Đài Loan được thuận lợi, doanh nghiệp nên tạo lập quan hệ với các nhà nhập khẩu để đưa hàng hóa vào các siêu thị. Hàng hóa cần đóng gói nhỏ gọn, thiết kế đẹp mắt kèm đầy đủ những thông tin và hướng dẫn sử dụng.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong tháng 7 và 7 tháng năm 2019

(ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 7/2019		So với tháng 6/2019 (%)		So với tháng 7/2018 (%)		7 tháng năm 2019		So với 7 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch		35.293		-0,5		271		209.498		12,1
Hàng thủy sản		10.956		3,6		14,9		69.776		16,3
Gỗ và sản phẩm gỗ		7.086		-1,6		52,3		47.561		27,9
Hàng rau quả		7.410		19,7		108,7		30.435		44,0
Cao su	1.695	2.633	-36,8	-36,4	-41,9	-40,6	14.068	20.701	-11,8	-16,9
Chè	2.085	3.482	6,0	12,2	5,6	11,6	10.603	16.769	5,3	6,6
Hạt điều	338	2.615	143,2	147,3	81,7	50,0	1.338	10.861	7,2	-13,8
Sắn và các sản phẩm từ sắn	794	378	-71,8	-69,3	88,2	61,6	16.412	7.424	-15,1	-21,1
Gạo	1.467	732	-67,4	-62,6	34,8	42,9	13.145	5.971	11,4	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Đài Loan

Trong 7 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tôm tăng 13,5%, cá tra, basa tăng 3,4%, cá đông lạnh tăng 64,3%, Surimi tăng 9,5%, cá ngừ tăng 26,1%...

Trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan dự báo tiếp tục thuận lợi khi Đài Loan đã đồng ý danh sách doanh nghiệp thủy sản của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường này, có hiệu lực từ ngày 5/10/2019.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT - NHẬP KHẨU

Trước khi thủy sản Việt Nam được Cơ quan Quản lý thực phẩm dược phẩm Đài Loan (TFDA) kiểm tra tính hệ thống, các doanh nghiệp được phê chuẩn xuất khẩu sang Đài Loan chỉ được xuất khẩu các sản phẩm trong phạm vi mã số HS được phép xuất khẩu sang Đài Loan hiện nay.

Các doanh nghiệp trong danh sách này phải xin kiểm nghiệm nhập khẩu thực phẩm với Văn phòng của TFDA tại các cảng, cửa khẩu, sau khi kiểm nghiệm đạt yêu cầu, mới được nhập khẩu vào thị trường Đài Loan.



Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong 7 tháng đầu năm 2019

Tên hàng	7 tháng năm 2019		So với 7 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (nghìn USD)	Lượng	Kim ngạch
Tôm các loại	3.455	31.598	-4,3	13,5
Cá tra, basa	5.824	11.289	8,0	3,4
Cá đông lạnh	3.160	9.337	47,2	64,3
Surimi	2.127	4.723	2,6	9,5
Cá ngừ các loại	1.381	3.513	30,3	26,1
Cá khô	2.169	3.417	15,4	14,3
Mực các loại	502	2.093	0,9	-7,9
Bạch tuộc các loại	293	1.969	76,8	60,6
Mắm	476	910	17.537	15.670
Ghẹ các loại	13	152	-44,9	-65,5
Cua các loại	73	131	9,9	-7,5
Ruốc	100	108	53,1	99,1
Cá đóng hộp	28	100	-25,3	-28,2
Sò các loại	24	77	178,7	271,6
Ốc các loại	56	59	419,1	32,8
Trứng cá	3	58	-87,3	-50,6
Hàu	16	26		
Nhím	8	24	2.631,5	2.631,5
Bong bóng cá	9	23	126,6	170,8
Thủy sản làm cảnh	0	8	-100,0	86,2
Cầu gai	2	6	156,1	161,0
Chả giò	4	4	-13,0	-7,3
Cá đông lạnh	0,2	3		
Nghêu các loại	1	2	-96,1	-95,6

Nguồn: Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

CAO SU CỦA VIỆT NAM ĐANG MỞ RỘNG THỊ PHẦN TẠI THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ

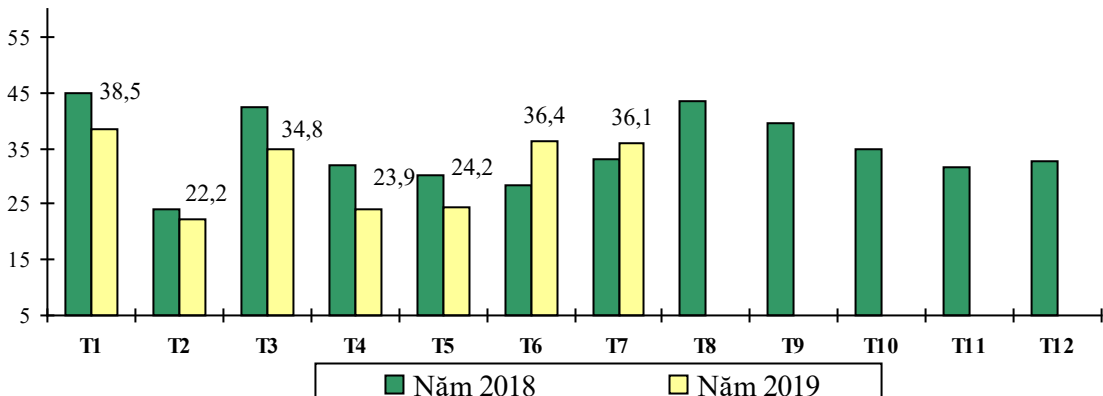
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 7/2019 đạt 36,08 triệu USD, giảm 0,9% so với tháng 6/2019 nhưng lại tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ đã giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 215,46 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sụt giảm ở các mặt hàng như: Cà phê giảm 42,6%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm 34,4%, hàng thủy sản giảm 4,8%, hạt điều giảm 56,1%, riêng hạt tiêu giảm 12,3% về kim ngạch nhưng tăng 18,8% về lượng. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu cao su – mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong 7 tháng

đầu năm 2019 tăng mạnh 77,1% về lượng và 66,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018, đạt 66,48 nghìn tấn, trị giá 95,38 triệu USD. Ngoài ra, xuất khẩu chè sang thị trường Ấn Độ cũng tăng mạnh 40,5% về lượng và tăng tới 108,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Ấn Độ năm 2018- 2019 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhận định và dự báo:

Ấn Độ là một trong những quốc gia đông dân nhất trên thế giới, nhu cầu về các mặt hàng rất đa dạng và phong phú. Vì vậy, Việt Nam còn nhiều tiềm năng để xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này. Mặt khác, Hiệp định thương mại hàng hóa

ASEAN – Ấn Độ (AITIG) đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam phát huy lợi thế cạnh tranh trên thị trường Ấn Độ khi nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam được hưởng mức thuế suất 0%, góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam thâm nhập sâu hơn tại thị trường Ấn Độ.

Tuy nhiên, điểm hạn chế là nông sản Việt Nam xuất thô vào thị trường này khá nhiều, còn bán qua trung gian, bị ép giá. Đặc biệt, tuy xuất khẩu với số lượng lớn vào Ấn Độ nhưng nông sản Việt lại chưa xây dựng được thương hiệu... nên giá trị xuất khẩu hàng nông sản chưa cao.

Ngoài ra, một số hoạt động bảo hộ của Ấn Độ cũng làm cho nông sản của Việt Nam xuất khẩu vào nước này gặp khó khăn. Thời gian qua, nhiều hiệp hội, nhà máy sản xuất và chế biến hạt điều ở Ấn Độ đã liên tục đề nghị Chính phủ có biện pháp hạn chế và kiểm soát hạt điều nhân nhập khẩu. Thậm chí còn cho rằng hạt điều nhân của Việt Nam đã thâm nhập vào thị trường nội địa, gây biến động về giá.

Tháng 6/2019, Ấn Độ đã tăng giá nhập khẩu tối thiểu (MIP) đối với mặt hàng hạt điều nhân, vỡ (Mã HS code: 08013210) từ mức giá giao hàng tại cảng dỡ hàng (CIF) 288 rupee/kg lên 680 rupee/kg.

Ngoài ra, Ấn Độ tăng 1,8 lần giá MIP đối với mặt hàng hạt điều nhân, nguyên (Mã HS Code: 08013220) từ mức giá CIF 400 rupee/kg lên 720 rupee/kg. Tất cả trường hợp nhập khẩu với mức giá dưới mức MIP nêu trên đều bị cấm.

Sản phẩm điều Ấn Độ nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu là hạt điều nhân, nguyên và hạt điều nhân, vỡ. Với mức giá MIP mới, cộng với mức thuế nhập khẩu 45% sẽ gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu hạt điều nhân của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Ấn Độ, các doanh nghiệp cần tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại. Theo đó, doanh nghiệp có thể đem hàng nông sản thương hiệu Việt Nam tham gia các hội chợ, triển lãm, gửi bán tại các siêu thị, quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời tiến hành các chiến dịch quảng bá trực tiếp hàng nông sản Việt Nam đến người tiêu dùng Ấn Độ.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Ấn Độ trong tháng 7 và 7 tháng năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 7/2019		So với tháng 6/2019 (%)		So với tháng 7/2018 (%)		7 tháng năm 2019		So với 7 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Kim ngạch		Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch		36.084		-0,9		9,7				-7,3
Cao su	14.281	21.352	2,5	2,5	101,4	107,5	66.479	95.383	771	66,1
Hạt tiêu	1.625	3.848	1,1	4,3	18,2	-0,7	15.445	37.767	18,8	-12,3
Cà phê	3.665	5.123	-9,1	-16,3	-25,6	-37,4	23.923	35.277	-33,4	-42,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		3.299		15,5		-25,7		20.890		-34,4
Hàng thủy sản		1.929		-7,2		-28,2		15.656		-4,8
Hạt điều	105	464	6,1	-35,0	-76,9	-86,1	1.778	9.579	-40,3	-56,1
Chè	32	69	-66,3	-38,2	-20,0	7,4	611	903	40,5	108,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu cao su sang thị trường Ấn Độ

Ấn Độ hiện đang đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam với nhiều tiềm năng tăng trưởng.

Theo Hội đồng Cao su Ấn Độ, sự tăng

trường diện tích trong khu vực cây cao su có thể khai thác mỏ khiến sản lượng cao su tự nhiên của nước này tăng 10%, ở mức 750.000 tấn trong năm tài khóa 2019/20 so với 648.000 tấn trong năm tài khóa trước. Khu vực cây cao su có thể khai thác của Ấn Độ đã tăng từ 640.000

ha trong năm 2018/19 lên 665.000 ha trong năm 2019/20, nhờ các biện pháp kích thích tăng sản lượng và kế hoạch khuyến khích sản xuất cao su tại Kerala năm tài khóa 2019/20. Tiêu thụ cao su tự nhiên của Ấn Độ được dự kiến ở mức 1,27 triệu tấn trong năm 2019/20.

Ấn Độ đang là thị trường tiêu thụ cao su lớn thứ 2 thế giới sau Trung Quốc và xếp trên các nước như: Mỹ, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Braxin, Việt Nam và Đức.

Trong khi đó, theo số liệu từ Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, nhập khẩu cao su thiên nhiên (HS: 4001) của nước này trong 6 tháng đầu năm 2019 giảm 14,15% so với cùng kỳ năm 2018,

đạt 224,19 nghìn tấn. Trong đó, Indonesia đứng đầu về cung cấp cao su cho Ấn Độ với khối lượng đạt 82,4 nghìn tấn, nhưng so với cùng kỳ năm 2018 đã giảm mạnh 35,84%. Ngoài ra, nhập khẩu cao su thiên nhiên từ thị trường Thái Lan cũng giảm 57,77%. Trong khi đó, lượng cao su của Ấn Độ nhập khẩu từ Việt Nam lại tăng mạnh 54,16% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 54,69 nghìn tấn và đứng thứ hai về cung cấp cao su thiên nhiên cho thị trường này. Đáng chú ý, thị phần cao su của Việt Nam trong tổng khối lượng cao su thiên nhiên nhập khẩu vào Ấn Độ đã tăng mạnh lên mức 24,4% trong 6 tháng đầu năm 2019 từ mức 13,6% của cùng kỳ năm 2018.

Thị trường cung cấp cao su thiên nhiên (Mã HS: 4001) cho Ấn Độ trong 6 tháng đầu năm 2019

Thị trường	6 tháng năm 2019 (tấn)	So với cùng kỳ năm 2018 (%)	Tỷ trọng 6T/2019 (%)	Tỷ trọng 6T/2018 (%)
Indonesia	82.411	-35,84	36,8	49,2
Việt Nam	54.689	54,16	24,4	13,6
Singapoore	18.369	35,10	8,2	5,2
Thái Lan	18.889	-57,77	8,4	17,1
Malaysia	26.050	81,59	11,6	5,5
Bờ Biển Ngà	15.402	14,20	6,9	5,2
Bangladesh	2.404	-15,14	1,1	1,1
Myanmar	2.902	63,99	1,3	0,7
Srilanka	879	189,61	0,4	0,1

Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ



KIÊN GIANG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN XUẤT KHẨU



Kiên Giang là tỉnh ven biển thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên lớn nhất và dân số đứng thứ hai trong vùng. Với vị trí là cửa ngõ phía Tây, thông ra vịnh Thái Lan, nằm trên Hành lang kinh tế phía nam thuộc tiểu vùng Mê Công mở rộng, Kiên Giang có vùng biển rộng hơn 63.000 km², gấp 10 lần diện tích đất liền. Kiên Giang còn tiếp giáp biên giới trên bộ và trên biển với một số quốc gia trong khu vực ASEAN, có một cửa khẩu quốc tế và một cửa khẩu quốc gia, đã giúp cho Kiên Giang có vị trí “địa chính trị” đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu, cũng như kết nối giao thông đường biển, đường bộ nội vùng với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Đến nay tỉnh Kiên Giang đã có 21 sản phẩm được cấp nhãn hiệu tập thể, chủ yếu có nguồn gốc từ nông nghiệp, những sản phẩm này đã và đang tham gia vào thị trường trong nước và xuất khẩu. Cụ thể gồm: Khóm Tắc Cậu, Khô cá sặc rằn U Minh Thượng, Sò huyết An Biên- An Minh, Gạo một bụi trắng U Minh Thượng...

Ngoài ra, còn có nhiều sản phẩm nông thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP, một mô hình sản xuất lúa hữu cơ đạt chứng nhận quốc tế USDA tại hợp tác xã Thạnh An, xã Đông Thạnh, huyện An Minh. Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các chương trình, mô hình khuyến nông có hiệu quả, phù hợp với vùng sinh thái, quy hoạch của ngành.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh. Hiện có 16 sản phẩm nông nghiệp được xác định là chủ lực, thế mạnh, có ưu thế cạnh tranh và xuất khẩu gồm: Lúa, khóm, tiêu, chuối, tôm càng xanh, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, cá đồng, sò huyết, sò lông...

Bên cạnh đó, tỉnh cũng phát triển các sản phẩm xuất khẩu cùng việc nâng cao chất lượng sản phẩm nông, hải sản; tập trung phát triển đội ngũ các doanh nghiệp thương mại đầu tàu, có sức lan tỏa, với nhiệm vụ kết nối sản xuất với thị trường, sản phẩm với người tiêu dùng,

góp phần đẩy mạnh hoạt động phân phối và tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, góp phần tạo đà cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Trong thời gian tới, ngoài việc hỗ trợ tỉnh về các thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế, Bộ Công Thương sẽ đẩy mạnh hỗ trợ tỉnh Kiên Giang lựa chọn và xây dựng phát triển thương hiệu cho các mặt hàng nông sản, hải sản có thể mạnh, đặc biệt là các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý trong khuôn khổ Chương trình thương hiệu quốc gia, Chương trình thương hiệu ngành thực phẩm Việt Nam.

Nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu:

Những năm qua, hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tích cực, góp phần ổn định, phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu hàng năm bình quân hơn 540 triệu USD; trong đó, hàng nông sản gần 355 triệu USD/năm, thủy sản gần 150 triệu USD/năm... Từ nay đến năm 2020, định hướng năm 2030, tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu nói chung và với nhóm hàng nông sản nói riêng, nhất là những sản phẩm hàng hóa chủ lực có tiềm năng, lợi thế.

Để đạt được mục tiêu này, từ nay đến năm 2020, tỉnh tập trung triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Cụ thể như: Chương trình phát triển cánh đồng lớn; giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất lúa gạo, thủy sản; phát triển kinh tế biển; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản... Các dự án: Nuôi tôm công nghiệp và nuôi tôm siêu thâm canh vùng Tứ giác Long Xuyên; tôm – lúa bền vững và tôm sạch – lúa hữu cơ vùng U Minh Thượng; khôi phục cá đồng Vườn Quốc gia U Minh Thượng; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp du lịch ở Phú Quốc; nuôi cá lồng bè thâm canh

ở huyện đảo Kiên Hải... và những dự án khác. Tỉnh xác định những sản phẩm xuất khẩu chủ lực là gạo 820.000 tấn/năm, tôm đông hơn 3.000 tấn/năm, mực và bạch tuộc đông 2.600 tấn/năm, cá cơm sấy 450 tấn/năm, đồ hộp khoảng 22 triệu lon...

Tỉnh luôn chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm đang có lợi thế về khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và thế giới gồm: gạo, tôm, các loại thủy sản, nước mắm và một số sản phẩm hàng hóa có tiềm năng khác như may mặc, giày da, gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, xi măng, khóm (dứa), hồ tiêu. Mục tiêu là nâng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô dựa trên việc ứng dụng các tiến bộ về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Ngoài ra, Kiên Giang cũng tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tổ chức lại sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nguồn nguyên liệu sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm cung ứng cho chế biến xuất khẩu. Cụ thể, tỉnh đã tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị đối với ngành hàng xuất khẩu chủ lực và ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Bên cạnh đó, Kiên Giang còn phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành có lợi thế xuất khẩu như nông sản, thủy sản, giày dép,...đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng logistics về kho, bãi, dịch vụ vận chuyển,... nâng cấp cơ sở hạ tầng về chợ, siêu thị,...

Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt hơn 275 triệu USD, với hai mặt hàng chủ lực là gạo và hải sản. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu rộng sau khi các Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA)

có hiệu lực, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... mở ra cơ hội đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

Hiện Kiên Giang có 36 doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp nông sản chiếm 60%, thủy sản chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, còn lại các doanh nghiệp xuất khẩu qua đường bộ biên giới tiếp giáp với Campuchia. Tỉnh phấn đấu có ít nhất 2 doanh nghiệp xuất khẩu có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia. Tỉnh cũng đã có hàng hóa chất lượng cao để xuất khẩu sang các thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Malaysia, Singapore, Trung Quốc và các nước Châu Âu, Châu Phi...

Những năm qua, tỉnh đã tích cực cải tạo kết cấu hạ tầng, tái cơ cấu, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp chất lượng cao.

Trong năm 2019, tỉnh Kiên Giang có kế hoạch thả nuôi 3.100 ha tôm nuôi công nghiệp, sản lượng thu hoạch 23.000 tấn. Đến nay, nông dân đã thả nuôi được khoảng 2.100 ha, sản lượng thu hoạch gần 10.000 tấn tôm nguyên liệu. Tại Kiên Giang, Công ty cổ phần Thủy sản Trung Sơn đã được tỉnh cấp chứng nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với diện tích nuôi tôm công nghiệp tại huyện Kiên Lương. Tập đoàn Thủy sản Minh Phú cũng đang triển khai đầu tư khu phức hợp công nghiệp công nghệ cao phát triển chuỗi giá trị tôm với quy mô 10.000 ha tại vùng Tứ giác Long Xuyên. Theo ước tính, khi hoàn thành, mỗi năm khu phức hợp này sẽ tạo ra khoảng 12 tỷ con tôm giống, 300.000 tấn thức ăn, 250.000 tấn tôm thương phẩm, tương ứng với 200.000 tấn tôm thành phẩm và 50.000 tấn phụ phẩm, với trị giá xuất khẩu trên 2 tỷ USD, tạo việc làm cho 10.000 công nhân kỹ thuật và 30.000 công nhân chế biến tôm.

Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng nâng cao giá trị và phát

triển bền vững, xác định thủy sản là thế mạnh của địa phương. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, giá trị sản xuất thủy sản chiếm 48,4% cơ cấu ngành. Giá trị bình quân trên 1 ha sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 122 triệu đồng. Trong đó, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt trên 755.000 tấn, riêng tôm nuôi đạt 80.000 tấn. Đến năm 2030, nâng giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp đạt từ 170 - 200 triệu đồng. Lĩnh vực thủy sản sẽ chiếm 58,4% cơ cấu giá trị toàn ngành. Khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt sản lượng 800.000 - 840.000 tấn, riêng tôm nuôi nước lợ đạt từ 90.000 - 100.000 tấn, góp phần cùng ngành tôm cả nước sớm chinh phục mục tiêu 10 tỷ USD từ chế biến xuất khẩu.



Về cây lúa, liên tục nhiều năm qua, Kiên Giang luôn dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng lúa với gần 190.000 ha và sản lượng lúa đạt từ 4,3 - 4,5 triệu tấn/năm. Trong nhiều năm liền, Kiên Giang đã duy trì các chính sách hỗ trợ nông dân như hỗ trợ giá giống cho các vùng bị nhiễm mặn, hạn hán, hỗ trợ bơm tát cho các vùng ngập sâu. Hỗ trợ nông dân đầu tư mua máy phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp.

Ngành nông nghiệp Kiên Giang còn phối hợp cùng với các công ty, doanh nghiệp thực hiện 28 cánh đồng lớn, sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, với tổng diện tích 23.154 ha ở các huyện trọng điểm về sản xuất lúa và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân. Kiên Giang cũng là tỉnh được lựa chọn để

thực hiện dự án cạnh tranh nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, với mô hình canh tác lúa thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu - VnSAT.

Trong lĩnh vực trồng trọt, hiện tỉnh đã công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho Công ty cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An, với diện tích hàng trăm ha tại huyện Hòn Đất, làm lúa theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

Nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh lĩnh vực nông nghiệp của địa phương,

tỉnh Kiên Giang đang mời gọi đầu tư nhiều dự án như các dự án nuôi trồng thủy sản trên biển tại thành phố Hà Tiên, huyện Kiên Hải, huyện Kiên Lương, huyện Phú Quốc; các dự án nuôi tôm nhà kính, nuôi tôm và sản xuất lúa hữu cơ tại huyện Hòn Đất; các dự án nuôi tôm công nghiệp tại huyện Kiên Lương và thành phố Hà Tiên; dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh gắn với vùng quy hoạch nông nghiệp; nhà máy chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu gắn với vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh...

LÂM ĐỒNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU SẦU RIÊNG ĐỂ XUẤT KHẨU

Để phát triển bền vững cây sầu riêng, huyện Đạ Huoai tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng thương hiệu "Sầu riêng Đạ Huoai". Đồng thời, huyện khuyến khích người dân trồng và chăm sóc sầu riêng theo hướng công nghệ cao, VietGAP, có tem truy xuất nguồn gốc, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và giá trị kinh tế.

So với cây công nghiệp truyền thống khác như cà phê, hồ tiêu, chè,... thì sầu riêng đang mang lại giá trị kinh tế cao cho người nông dân. Việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ trở thành nhu cầu cấp thiết nhất.

Hiện toàn huyện có 3.400 ha, trong đó diện tích đang cho thu hoạch là 1.830

ha, năng suất bình quân năm 2019 là 12 tấn/ha, sản lượng đạt trên 21.700 tấn. Trong đó, có 327 ha sầu riêng công nghệ cao, 3 mô hình (1,7 ha) áp dụng đồng bộ công nghệ tưới phun tự động kết hợp bón phân và phòng trừ sâu bệnh tự động điều khiển bằng smartphone...

Sau hơn ba năm được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "Sầu riêng Đạ Huoai", đến nay toàn huyện có 228 hộ với diện tích 325 ha sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản lượng 2019 khoảng 5.000 tấn. Trong đó 3.200 tấn có gắn tem truy xuất nguồn gốc điện tử và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu "Sầu riêng Đạ Huoai".

XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ NA CHI LĂNG TẠI THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI

Ngày 16/8, Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lạng Sơn, UBND huyện Chi Lăng tổ chức Lễ khai mạc "Hội chợ sản phẩm nông nghiệp an toàn; Tuần lễ quảng bá na Chi Lăng và nông sản, đặc sản Lạng Sơn năm 2019; Diễn đàn kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm na Chi Lăng và nông sản, đặc sản tỉnh Lạng Sơn tại Hà Nội năm 2019".

Hội chợ là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng nhằm thúc đẩy quảng

bá thương hiệu nông sản, thực phẩm an toàn, đồng thời giới thiệu đến người tiêu dùng thủ đô và cả nước các đặc sản Lạng Sơn, đặc biệt là sản phẩm na Chi Lăng. Thông qua các hoạt động của hội chợ góp phần nâng cao nhận thức của người sản xuất cũng như người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, góp phần tác động đến sản xuất chế biến nông lâm thủy sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Với những đặc trưng riêng biệt như: mẫu mã đẹp, mắt to, vị ngọt thanh mát, cùi dày ít hạt, có hàm lượng giá trị dinh dưỡng cao, cùng với việc đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm, đến nay, sản phẩm na Chi Lăng (Lạng Sơn) đã được người tiêu dùng Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung đón nhận.

Năm 2019, tổng diện tích na tại Sơn La khoảng trên 1.600ha, tổng sản lượng thu hoạch đạt trên 16 nghìn tấn, tổng giá trị ước đạt 600 tỷ đồng. Trong đó, có hơn 200ha na được người dân trồng theo quy trình VietGAP. Đặc biệt từ vụ na năm 2019, huyện Chi Lăng không khuyến khích tăng sản lượng, mà thay vào đó là tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng và giá trị quả na Chi Lăng.

Bên cạnh đó, UBND huyện Chi Lăng cũng đề xuất với tỉnh Lạng Sơn kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đàm phán với phía Trung Quốc đưa na Chi Lăng vào danh mục được phép xuất khẩu chính ngạch vào thị trường này.

Với quy mô 25 gian hàng, Tuần lễ na Chi Lăng có sự tham gia của đồng đảo các Hợp tác xã, tổ hợp tác, chi hội sản xuất và tiêu thụ na của huyện Chi Lăng, các nhà vườn sản xuất na theo tiêu chuẩn, chất lượng cao. Bên cạnh đó, có khoảng 100 gian hàng là sản phẩm nông sản, đặc sản đặc trưng, có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Lạng Sơn.

DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC CẦN TÌM NHÀ CUNG CẤP HOA TƯƠI CẮT CÀNH

Trước mắt, doanh nghiệp Hàn Quốc có nhu cầu đối với một số loại hoa cúc (Chrysanthemum single (Ping Pong or Pompon) and Chrysanthemum beam) và lá trang trí kèm.

Doanh nghiệp quan tâm và có khả năng cung cấp đề nghị gửi đăng ký theo mẫu tại đường link dưới đây và liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc để biết thêm thông tin chi tiết cũng như được kết nối với đối tác.

https://drive.google.com/open?id=10xtWaBvIDDS3JN6L8CqP7hVEv5OP_kln



31 DOANH NGHIỆP VIỆT NAM XUẤT KHẨU TÔM SANG MỸ HƯỞNG MỨC THUẾ 0%

Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ban hành kết luận cuối cùng đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 13 (POR13) cho giai đoạn rà soát từ 01/02/2017 – 31/01/2018 đối với tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam.

Theo đó, mức thuế cuối cùng dành cho 02 bị đơn bắt buộc (công ty CP thực phẩm Sao Ta và công ty CP Nha Trang Seafoods) trong đợt rà soát này đều ở mức 0%. Mức thuế suất riêng rẽ áp dụng cho các công ty còn lại không được chọn mẫu mà thỏa mãn điều kiện được hưởng thuế suất riêng rẽ (29 công ty) cũng ở mức 0%. Mức thuế toàn quốc được giữ nguyên so với các đợt rà soát trước đó là 25,76% do không có bên liên quan nào đề nghị rà soát lại mức thuế này. Trong POR13, DOC sử dụng giá trị thay thế của Ấn Độ để xác định giá trị thông thường.

Mức thuế cuối cùng nêu trên là tín

hiệu tích cực đối với các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu tôm Việt Nam, đặc biệt khi tất cả các doanh nghiệp nhận thuế suất riêng rẽ cũng nhận được mức thuế suất 0%. Trong 13 đợt rà soát tôm từ trước đến nay, đây là lần thứ 02 (sau POR7) DOC xác định các doanh nghiệp nhận thuế suất riêng rẽ không bán phá giá. Mức thuế 0% đối với tôm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tôm Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng bảo hộ đang có diễn biến phức tạp.

Hiện nay, DOC đã khởi xướng rà soát hành chính lần thứ 14 (POR14) và đang trong quá trình nhận bản trả lời câu hỏi. Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam và phía Mỹ để xử lý các vấn đề liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trong vụ việc.

THÊM 42 DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẤP PHÉP KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO THEO NGHỊ ĐỊNH 107

Theo Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, tính đến nay, đã có thêm 42 thương nhân được cấp phép xuất khẩu gạo, sau khi Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo có hiệu lực.

Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh, xuất khẩu gạo được kỳ vọng sẽ gỡ vướng và tạo môi trường thông thoáng nhất cho doanh nghiệp ngành gạo phát triển.

Theo đó, các doanh nghiệp đầu mối được xuất khẩu gạo, điều kiện để trở thành doanh nghiệp đầu mối được nới lỏng. Các điều kiện yêu cầu phải sở hữu về cơ sở xay xát, kho bãi được xóa bỏ, tức là doanh nghiệp không cần phải đứng tên sở hữu các cơ sở này mà có thể đi thuê. Điều này giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực, có thể tận dụng

các cơ sở dư thừa của các doanh nghiệp khác, tiết kiệm chi phí...

Nghị định cũng giúp bãi bỏ quy định phải đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo theo kiến nghị trước đó của doanh nghiệp vì sợ lộ các bí quyết kinh doanh. Theo đó, quy định mới đã cho phép một số thương nhân không cần phải có giấy phép kinh doanh xuất khẩu gạo vẫn có thể xuất khẩu khi họ tập trung các sản phẩm gạo hữu cơ, gạo đỏ, gạo bổ sung vi chất... Điều này rất ý nghĩa đối với cộng đồng doanh nghiệp ngành gạo bởi như vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đủ điều kiện để xuất khẩu các loại gạo thông thường nhưng nếu họ tập trung vào những sản phẩm gạo đặc trưng, đặc thù thì vẫn có cơ hội vươn ra thị trường thế giới.

AUSTRALIA CÔNG BỐ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU QUẢ NHẪN TƯƠI TỪ VIỆT NAM



Thương vụ Việt Nam tại Australia cho biết, Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Australia đã chính thức công bố các điều kiện nhập khẩu quả nhẵn tươi từ Việt Nam.

Cụ thể, trước khi nhập khẩu vào Australia, doanh nghiệp nhập khẩu cần đăng ký giấy phép hợp lệ do Bộ Nông nghiệp Australia cấp.

Về yêu cầu trước khi xuất khẩu hàng hóa, phía Australia yêu cầu quả nhẵn phải có nguồn gốc, sản xuất và xuất khẩu theo hệ thống quy trình vận hành cần thiết để duy trì và xác minh tình trạng kiểm dịch thực vật và quả nhẵn phải trải qua các biện pháp quản lý rủi ro bắt buộc.

Trong đó, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải ghi rõ các nội dung thông tin: "trái cây trong lô hàng này được sản xuất tại Việt Nam phù hợp với các điều kiện nhập khẩu quả nhẵn tươi vào Australia và phù hợp với Chương trình 'Xuất khẩu trái cây tươi của Việt Nam vào Australia'", "Quả nhẵn được chiếu xạ với liều lượng tối thiểu là 400 Gy", tên cơ sở xử lý và số đăng ký, số thùng trong lô hàng.

Đối với vận chuyển bằng đường biển, số container và số niêm phong phải được xác nhận và ghi trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc trên chứng từ thương mại. Nếu được xác nhận trên vận đơn thì số chứng nhận kiểm dịch thực vật cũng phải được ghi rõ.

Bên cạnh đó, trên giấy chứng nhận xử lý bằng phương pháp chiếu xạ phải thể hiện các thông tin như liều lượng chiếu xạ tối thiểu và tối đa (Dmin và Dmax) thực tế trong việc xử lý quả nhẵn.

Đặc biệt, liều lượng hấp thụ tối đa cho quả nhẵn không được vượt quá 1 kGy theo quy định của Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Australia và New Zealand (FSC).

Ngoài ra, Australia cũng lưu ý quả nhẵn xuất khẩu không được lẫn các chất ô nhiễm ví dụ, các mảnh từ thân và lá, đất, hạt hoặc các vật liệu ngoại lai khác. Hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng được ít nhất một trong các phương pháp đóng gói an toàn. Bao bì phải được làm từ vật liệu tổng hợp hoặc vật liệu chế biến cao nếu có nguồn gốc thực vật, hoặc bao bì không được làm bằng nguyên liệu thực vật chưa qua chế biến như rơm.

GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI TIẾP TỤC CHỊU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC DO CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG QUỐC

Từ ngày 14/8 đến 28/8/2019, thị trường nông sản thế giới tiếp tục giảm giá ở nhiều mặt hàng do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc kéo dài làm gia tăng lo ngại về nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu.

Trong phiên giao dịch ngày 28/8/2019, giá đậu tương tại sàn Chicago giảm 2,2% so với ngày 13/8/2019, đạt 859,3 USD/bushel.

Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 cũng giảm 5,1% so với ngày 13/8/2019, xuống 11,23 UScent/lb trong phiên giao dịch ngày 28/8/2019, thậm chí có thời điểm giá giảm còn 11,16 UScent/lb, thấp nhất kể từ 1/10/2018. Đây là phiên thứ 6 giá giảm trong vòng 7 phiên gần nhất. Nguyên nhân do đồng Real Braxin mất giá so với USD, hiện ở mức thấp nhất gần 1 năm. Dự đoán sản lượng đường Ấn Độ sẽ không thấp như đánh giá ban đầu nhờ mưa đến cải thiện tình trạng thiếu nước cũng góp phần gây áp lực giảm giá đường.

Trong khi đó, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 3,9% so với ngày 13/8/2019, đạt 97,15 UScent/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 cũng tăng 5,5% lên 1.339 USD/tấn. Giá cà phê Arabica tăng do đồng Real Braxin mất giá so với USD và dự báo sản lượng ở Braxin và Trung Mỹ sẽ giảm.

Trên thị trường gạo, giá gạo 5% tấm của Ấn Độ dao động ở mức 372 - 375 USD/tấn trong kỳ từ ngày 14/8 đến 28/8/2019, giảm 6 USD/tấn so với tuần nửa đầu tháng 8/2019. Đồng Rupee giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 8 tháng cho phép các nhà xuất khẩu Ấn Độ hạ giá xuất khẩu.

Còn tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm của Thái Lan tăng nhẹ từ 415 - 425 USD/tấn lên 415 - 430 USD/tấn trong nửa cuối tháng 8/2019. Lo ngại nguồn cung giảm do tình trạng hạn hán đã đẩy giá gạo Thái Lan tăng cao và khiến Chính phủ phải đưa ra các giải pháp hỗ trợ mới để giúp người nông dân trong mùa thu hoạch chính trong thời gian còn lại của năm nay.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 28/8/2019

Hàng hóa	Ngày 28/8/2019	So với ngày 13/8/2019 (%)	So với ngày 29/7/2019 (%)	So với ngày 1/1/2019 (%)
Ngô CBOT (UScent/bushel)	366,3	-4,9	-13,9	-2,6
Lúa mì CBOT (UScent/bushel)	476,8	1,4	-4,4	-6,2
Lúa mạch (UScent/bushel)	267,0	-3,2	0,3	-4,0
Đậu tương (UScent/bushel)	859,3	-2,2	-5,0	-5,2
Khô đậu tương (USD/tấn)	297,0	-2,2	-4,8	-4,7
Dầu đậu tương (UScent/bushel)	28,4	-5,3	-0,6	0,5
Ca cao (USD/tấn)	2.247,0	0,2	-9,2	-6,7
Đường thô (UScent/lb)	11,3	-5,1	-6,1	-5,3
Nước cam (UScent/lb)	102,3	0,0	0,7	-16,8
Cà phê Robusta (USD/tấn)	1.339,0	5,5	0,1	-12,4
Cà phê Arabica (UScent/lb)	97,2	3,9	-2,6	-6,7
Gỗ xẻ (USD/1000 board feet)	368,2	5,5	10,7	10,0
Gạo 5% tấm Ấn Độ (USD/tấn)	375,0	-1,6	-0,5	-2,3
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan (USD/tấn)	430,0	1,2	8,9	10,3
Cao su Toccom (JPY/kg)	163,7	-3,7	-12,3	-2,6

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHU CẦU NHẬP KHẨU THỰC PHẨM CỦA ẤN ĐỘ DỰ KIẾN TĂNG MẠNH TRONG THỜI GIAN TỚI



Ngành nông nghiệp hiện là nguồn sinh kế chính của khoảng 58% dân số Ấn Độ. Riêng trong năm 2018, tổng giá trị gia tăng của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ước tính khoảng 18,53 nghìn tỷ rupee (271,00 tỷ USD).

Những năm gần đây Chính phủ Ấn Độ đưa ra nhiều chính sách phát triển ngành sản xuất nông nghiệp và đặc biệt là ngành chế biến nông sản, điều này đã đưa Ấn Độ trở thành nước tự cung tự cấp nhiều loại nông sản và ngành nông nghiệp Ấn Độ đã đạt được những thành tựu rất đáng kể. Trong niên vụ 2017-18, sản lượng ngũ cốc lương thực của Ấn Độ ước tính đạt kỷ lục 284,83 triệu tấn. Trong niên vụ 2018-19, Chính phủ Ấn Độ đang đặt mục tiêu sản xuất lương thực là 285,2 triệu tấn. Ấn Độ là nhà sản xuất trái cây lớn thứ hai trên thế giới. Sản lượng cây trồng làm vườn ước tính đạt kỷ lục 314,7 triệu tấn trong năm 2018-19.

Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản từ Ấn Độ tăng trưởng bình quân 16,45%/năm trong giai đoạn 2010-2018, đạt 38,21 tỷ USD trong năm 2018. Trong năm 2014, xuất khẩu nông nghiệp là 38,54 tỷ USD. Ấn Độ cũng là nhà sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu lớn nhất các loại gia vị và sản phẩm gia vị. Xuất khẩu gia vị từ Ấn Độ đạt 3,1 tỷ USD trong năm 2017-18. Xuất khẩu chè từ Ấn Độ đạt mức cao nhất trong 36 năm là 240,68 triệu kg trong năm 2017

trong khi xuất khẩu cà phê đạt kỷ lục 395.000 tấn trong năm 2017-18.

Tuy vậy, với những biến động về dân số, thu nhập cũng như những hạn chế về quỹ đất nông nghiệp và những tác động của biến đổi khí hậu sẽ tác động đến sản xuất nông nghiệp của Ấn Độ và nhiều khả năng nhập khẩu hàng nông sản vào nước này sẽ tăng mạnh thời gian tới bởi:

+ Hiện dân số của Ấn Độ là 1,35 tỷ người. Dự đoán dân số năm 2017 của Liên Hợp Quốc cho rằng Ấn Độ có khả năng vượt qua dân số Trung Quốc vào năm 2024 và đạt 1,5 tỷ vào năm 2030, khiến nước này trở thành quốc gia đông dân nhất thế giới. Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người ở Ấn Độ được dự báo có thể sẽ tăng khoảng 6% hàng năm trong 10 năm tới.

+ Khảo sát chi tiêu tiêu dùng của Văn phòng khảo sát mẫu quốc gia (NSSO) thực hiện cho thấy một hộ gia đình trung bình ở Ấn Độ đã chi khoảng 45% tổng chi tiêu hàng tháng cho thực phẩm, cho thấy nhu cầu thực phẩm ở Ấn Độ sẽ tăng mạnh trong những năm tới.

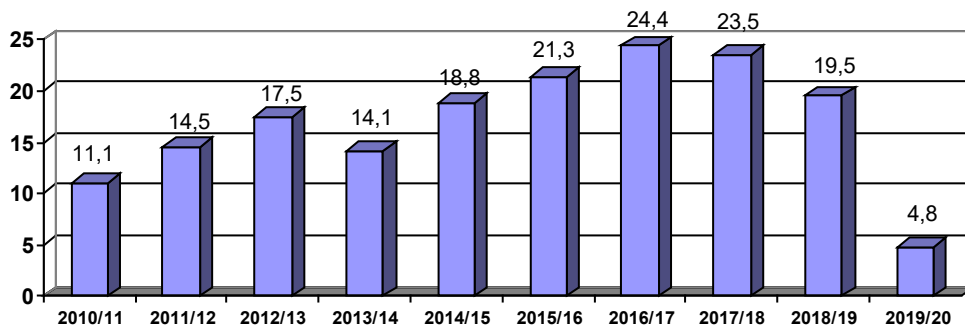
Trong khi đó, Ấn Độ đã giới hạn đất canh tác (diện tích gieo trồng khoảng 140 triệu ha) do mực nước ngầm ngày càng cạn kiệt. Dự báo biến đổi khí hậu cho thấy nhiệt độ tăng và tần suất và cường độ hạn hán lớn hơn...

Thực tế, theo dữ liệu từ Cơ quan phát triển Xuất Nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm chế biến (Apeda) (thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ), nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến vào Ấn Độ tăng mạnh trong những niên vụ gần đây, đặc biệt đạt mức kỷ lục vào niên vụ 2016-17, với kim ngạch

nhập khẩu đạt 24,4 tỷ USD, tăng gấp hơn 2 lần so với mức nhập khẩu trong niên vụ 2010-11.

Tính riêng trong đầu niên vụ 2019-20 (từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2019), nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến vào Ấn Độ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 41,7% so với cùng kỳ niên vụ 2018-19.

Kim ngạch nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến vào Ấn Độ qua các niên vụ (Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Apeda

(* Ghi chú: một niên vụ được tính từ tháng 4 năm nay đến tháng 3 năm sau)

Trong cơ cấu nhóm hàng nông sản và thực phẩm chế biến nhập khẩu vào Ấn Độ, nước này chủ yếu nhập khẩu dầu thực vật (chiếm gần 46% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này), tiếp đến là trái cây tươi chiếm 10,6%, hạt điều chiếm 8,2%, các loại gia vị chiếm 6,7%, bông thô chiếm 6,2%... Đáng chú ý, nhập khẩu hầu hết các mặt hàng thuộc nhóm nông sản và thực phẩm chế biến đều tăng trong niên vụ 2018-19, trong đó, nhập khẩu một số mặt hàng tăng mạnh như: nhập khẩu mặt hàng đậu (đậu lăng, đậu Hà Lan) tăng 195,1%, đồ uống có cồn tăng 118,9%, bột khô dầu (hạt đay) tăng 113,9%, chè tăng 217,3%, rau chế biến tăng 139,7%, dầu vò hạt điều tăng 310,7%...

Ấn Độ nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến từ 155 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó, Mỹ là nguồn cung hàng nông sản và thực phẩm chế biến lớn nhất vào Ấn Độ (chiếm 25,3% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này), các nguồn cung lớn tiếp

theo là Canada, Chile, Anh, Afganistan, Indonesia, UAE, Italia, Australia... Việt Nam là nguồn cung hàng nông sản và thực phẩm chế biến thứ 49 vào Ấn Độ, chiếm 0,2% thị phần. Các mặt hàng nông sản và thực phẩm chế biến Ấn Độ nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu là trái cây tươi, chiếm 60,4% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng nông sản và thực phẩm chế biến từ Việt Nam.



Một số mặt hàng nông sản và thực phẩm chế biến nhập khẩu vào Ấn Độ từ niên vụ 2017-18 đến 2019-20

Hàng nông sản và thực phẩm chế biến	Nhập khẩu vào Ấn Độ (Đvt: triệu USD)			Thị phần của Việt Nam tại Ấn Độ (%)		
	Niên vụ 2017-18	Niên vụ 2018-19	Niên vụ 2019-20 (T4-T6)	Niên vụ 2017-18	Niên vụ 2018-19	Niên vụ 2019-20 (T4-T6)
Tổng	6.916	4.990	1.207	0,23	0,29	0,23
Trái cây tươi	1.943	1.988	505	0,07	0,14	0,14
Đậu (đậu lăng, đậu Hà Lan)	2.908	1.141	242	-	0,00	0,00
Đồ uống có cồn	601	668	182	0,00	0,00	-
Sản phẩm chế biến khác	347	366	111	0,12	0,06	0,06
Sản phẩm ca cao	228	263	66	-	-	-
Trái cây / Hạt giống rau	119	119	36	0,00	0,00	0,00
Sản phẩm ngũ cốc	101	138	28	0,01	0,02	0,01
Ngũ cốc khác	67	68	16	-	-	-
Sản phẩm sữa	49	36	9	0,00	0,00	0,01
Rau chế biến	21	23	8	0,00	-	-
Thịt khác	4	4	1	-	-	-
Sản phẩm gia cầm	4	6	1	0,00	-	0,00
Sản phẩm xay xát	2	2	1	-	-	-
Rau tươi	4	3	1	-	-	-
Thịt cừu/ dê	2	2	0	-	-	-
Đậu phộng	2	1	0	-	-	-
Lúa mì	365	1	0	-	-	-
Thịt đã xử lý	0	1	0	-	-	-
Gạo không Basmati	2	5	-	0,00	0,00	-
Trái cây chế biến và nước ép	125	130	-	0,03	0,06	-

Nguồn: Apeda

TRUNG QUỐC SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VIỆC GHI NHÃN BAO BÌ THỰC PHẨM ĐÓNG GÓI SẢN XUẤT NHẬP KHẨU

Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan Trung Quốc gần đây cho đăng toàn văn Thông báo số 70/2019 về quy định quản lý, giám sát việc ghi nhãn bao bì thực phẩm đóng gói sẵn xuất nhập khẩu của Trung Quốc, thời gian bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Thông báo của Hải quan Trung Quốc cho biết, để thực hiện yêu cầu cải cách "trao quyền, tinh giản hóa thủ tục hành chính và tối ưu hóa các dịch vụ công" của Chính phủ Trung Quốc, nâng cao

hiệu quả công tác thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, Trung Quốc quy định quản lý, giám sát việc ghi nhãn bao bì thực phẩm đóng gói sẵn xuất nhập khẩu cụ thể như sau:

(i) Từ ngày 01/10/2019, không yêu cầu đăng ký hồ sơ lưu đối với nhãn mác bao bì của thực phẩm đóng gói sẵn lần đầu nhập khẩu vào Trung Quốc. Việc kiểm tra nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu là một trong những nội dung kiểm tra, kiểm nghiệm đối với thực phẩm, cơ

quan hải quan Trung Quốc sẽ căn cứ theo các quy định pháp luật liên quan về kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu và vệ sinh an toàn thực phẩm để tiến hành kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

(ii) Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm đảm bảo nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc trên bao bì đóng gói sẵn của thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc phải phù hợp với quy định pháp luật liên quan của Trung Quốc, phù hợp với quy định hành chính và yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia. Nếu thẩm tra không đáp ứng tiêu chuẩn, không được nhập khẩu.

(iii) Thực phẩm đóng gói sẵn khi nhập khẩu sẽ được lấy mẫu kiểm tra xác suất tại hiện trường hoặc kiểm nghiệm trong phòng thí nghiệm, nhà nhập khẩu cần cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa đáp ứng điều kiện nhập khẩu, tài liệu gốc và bản dịch ghi nhãn mác, mẫu ghi nhãn tiếng Trung và các tài liệu chứng minh khác cho nhân viên hải quan.

(iv) Khi nhận được thông báo của cơ quan hữu quan, đơn khiếu nại của người tiêu dùng về việc thực phẩm đóng gói sẵn bị nghi ngờ vi phạm quy định, cơ quan hải quan sẽ tiến hành thẩm tra xác minh, khi xác nhận có vi phạm sẽ xử lý theo quy định.

(v) Các loại thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu vào Trung Quốc trưng bày triển lãm, hàng mẫu, hàng kinh doanh miễn thuế (trừ trường hợp miễn thuế theo luật định), thực phẩm phục vụ cho cơ quan ngoại giao, hàng xách tay du lịch, bưu phẩm, bưu kiện, thương mại điện tử qua biên giới... căn cứ theo các quy định hiện hành.

(vi) Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm đóng gói sẵn cần đảm bảo nhãn mác bao bì đóng gói sẵn của thực phẩm xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn của quốc gia/ vùng lãnh thổ nhập khẩu hoặc yêu cầu của hợp đồng thương mại.

(vii) Từ ngày 01/10/2019, bãi bỏ các thông báo sau: (a) Thông báo số 44/2006 Tổng cục Kiểm nghiệm và Giám sát Chất lượng Quốc gia Trung Quốc (AQSIQ) về điều chỉnh chế độ kiểm tra thẩm định ghi nhãn hàng mỹ phẩm, thực phẩm xuất nhập khẩu; (b) Thông báo số 59/2011 của AQSIQ về việc vận hành hệ thống quản lý ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu; (c) Thông báo số 27/2012 của AQSIQ về việc thực hiện quy định giám sát quản lý kiểm nghiệm ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn xuất nhập khẩu. Hồ sơ đã nộp lưu chiểu đăng ký trước đó sẽ bị hủy bỏ cùng thời điểm.

TỪ NGÀY 01/10/2019, HÀN QUỐC BẮT ĐẦU XỬ PHẠT ĐỐI VỚI GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI GỖ CÓ NGUỒN GỐC BẤT HỢP PHÁP



Từ ngày 01/10/2019, Hàn Quốc bắt đầu xử phạt đối với giao dịch thương mại gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp.

Tổng cục Lâm nghiệp Hàn Quốc vừa thông báo về việc kết thúc giai đoạn thử nghiệm áp dụng cơ chế khai báo nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ

nhập khẩu vào Hàn Quốc (từ 01/10/2018 đến 30/9/2019). Theo đó, Hàn Quốc sẽ tiến hành xử phạt đối với các giao dịch thương mại gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp kể từ ngày 01/10/2019.

Quy định về chủng loại gỗ nhập khẩu; quy trình và hồ sơ khai báo; quy định về xử phạt, tham khảo tài liệu gửi kèm theo. Trường hợp doanh nghiệp cần hỗ trợ tìm hiểu chi tiết về quy định trên, đề nghị liên hệ với cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc.

► Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), quốc gia châu Á đã sản xuất 26,27 triệu tấn gạo sớm, được trồng vào mùa xuân và thu hoạch vào đầu mùa hè, giảm 8,1% so với một năm trước đó. Diện tích trồng lúa sớm giảm 7,1% xuống 4,45 triệu ha và năng suất trên mỗi ha giảm 1,1% xuống còn 5,9 tấn. Trung Quốc sản xuất ít gạo hơn trong giai đoạn thu hoạch đầu tiên của năm 2019 do diện tích gieo trồng và năng suất trên mỗi đơn vị giảm. Tuy nhiên, sự suy giảm sẽ có tác động rất hạn chế đến sản lượng ngũ cốc của cả nước vì gạo sớm chỉ chiếm khoảng 4% sản lượng ngũ cốc hàng năm.

► Sau một thời gian dài giảm xuống ở mức thấp, giá trái dừa khô ở tỉnh Bến Tre hiện tăng bình quân 20.000 đồng/chục 12 trái so với cách nay khoảng 2 tuần. Hiện dừa khô được nông dân bán ngay tại vườn cho thương lái đang ở mức 50.000-55.000 đồng/chục; giá thu mua tại nhiều doanh nghiệp và cơ sở chế biến dừa xuất khẩu trong tỉnh ở mức 60.000-70.000 đồng/chục. Riêng dừa trồng theo mô hình hữu cơ được một số doanh nghiệp thu mua ở mức 75.000-80.000 đồng/chục. Giá tăng do nhiều đơn vị, doanh nghiệp và tiểu thương đẩy mạnh thu mua phục vụ sản xuất các sản phẩm xuất khẩu và thời điểm này nguồn cung dừa khô nguyên liệu tại nhiều địa phương trong tỉnh cũng giảm.



► Trong diễn biến mới nhất của cuộc chiến thương mại, Trung Quốc sẽ áp thuế quan bổ sung 10% đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Mỹ kể từ ngày 1/9 khiến tổng thuế suất lên tới 35%. Tất cả sản phẩm chính mà Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc, ví dụ như cá hồi, cá tuyết, tôm hùm, cua, mực và cá minh thái, đều nằm trong danh sách áp thuế mới mà Bộ Tài chính Trung Quốc công bố.

► Theo Cục Hải quan Lạng Sơn, từ ngày 20-8, nhiều xe hàng ứ đọng tại 2 cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh do phía Trung Quốc đột ngột cấp mẫu C/O mẫu E mới. Vì vậy, hải quan đề nghị chấp nhận C/O mẫu E do Trung Quốc cấp để gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

► Theo Vụ Đàm phán thương mại thuộc Bộ Thương mại Thái Lan, nước này đã trở thành nước xuất khẩu sầu riêng lớn nhất thế giới, tiếp theo là Malaysia. Trong nửa đầu năm 2019, Thái Lan đã xuất khẩu sầu riêng tươi ước tính khoảng 817 triệu USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á là các thị trường chính của Thái Lan khi đã mua 79% sầu riêng xuất khẩu của nước này. Trong 6 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan sang Trung Quốc lên tới 425 triệu USD, trong khi xuất khẩu sang các quốc gia Đông Nam Á đạt 219 triệu USD.

